

Số: 09/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 8 tháng 7 năm 2019 về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi và Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động thủy lợi trên lãnh thổ Việt Nam gồm chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình

thuỷ lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Khung giá sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi khác

1. Khung giá sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi khác:

TT	Sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi khác	Đơn vị tính	Khung giá
1	<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thuỷ lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa</i>		
-	Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp	Đồng/m ³	900 - 1.300
-	Kết hợp phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8,0 - 12,7
2	<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi Bắc Nam Hà</i>		
	Kết hợp giao thông (sử dụng âu thuyền, cống kết hợp giao thông thủy)	Đồng/tấn/lần	6.636 - 6.818
3	<i>Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thuỷ lợi 3</i>		
	Kết hợp phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8,0 - 8,5
4	<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi Bắc Hưng Hải</i>		
	Kết hợp giao thông (Sử dụng âu thuyền, cống kết hợp giao thông thủy)	Đồng/tấn/lần	6.521 - 7.138
5	<i>Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thuỷ lợi 5</i>		
	Kết hợp phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8,0- 9,16
6	<i>Tỉnh Hưng Yên</i>		
	Tiêu nước cho khu công nghiệp bao gồm cả các nhà máy công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	Đồng/ha lưu vực tiêu/năm	1.370.000 - 1.632.500